

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 212 /2017/ HNGĐ - ST
Ngày: 29/12/2017
“V/v ly hôn giữa chị H và anh K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Thuật

2. Ông Lê Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh Quy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Cao Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-ST ngày 15/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989 (có mặt)

Bị đơn: Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã L, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng: Bà Hà Thị B, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Sinh trú quán: Thôn C, xã L, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn K tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng nhà với bố mẹ anh K, nhưng ăn riêng, đến năm 2011 hai vợ chồng vào Lâm Đồng làm ăn sinh sống, đến đầu năm 2015 anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi biết sự việc chị và bố mẹ anh K đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K không nghe cùng với việc vợ chồng chưa có con chung, nên tháng 6 năm 2015 chị đã bỏ về quê sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh K không về về đón gọi chị, hai vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Khi vợ chồng sống ly thân đã tự thỏa thuận phân chia xong, do vậy nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của bố, mẹ anh K, do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng lâu không có con, do đã đi khám, chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả, nên chị H chán nản, đến tháng 6 năm 2015 chị H bỏ về quê sinh sống. Anh xác nhận từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì hai bên không quan tâm gì đến nhau, nay anh thấy rằng vợ chồng ly thân đã lâu, anh cũng không còn tình cảm với chị H, do vậy anh nhất trí ly hôn với chị H. Do công việc bận, lại đang làm ăn xa không về được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng chưa có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng: Bà Hà Thị B cung cấp:

Bà là mẹ đẻ anh Đỗ Văn K, bà tổ chức lễ cưới cho anh K và chị H vào năm 2009. Sau khi kết hôn, chị H về chung sống với gia đình bà được khoảng 02 năm thì hai vợ chồng vào Lâm Đồng làm ăn sinh sống. Tại Lâm Đồng bà không biết anh K, chị H có mâu thuẫn gì, nhưng đến năm 2015 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng bà đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H không nghe mà cương quyết xin ly hôn với anh K.

Toàn bộ các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án bà đã gửi cho anh K, anh K nói cho bà biết anh và chị H không đoàn tụ được, anh nhất trí ly hôn với chị H. Do vậy, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng bà không có quan hệ kinh tế vay nợ gì với chị Hương và anh Kiên, do vậy nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:

Chị H kết hôn với anh K năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND. xã L, sau khi kết hôn hai anh chị chung sống với bố mẹ anh K, đến năm 2011 hai anh chị vào Lâm Đồng làm ăn sinh sống, đến năm 2015 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ, còn anh K thỉnh thoảng có về quê xong lại đi, hai vợ chồng không sinh sống với nhau. Nay quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các bên.

Quá trình giải quyết vụ kiện, do anh K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do vậy Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa

Chị H giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K, còn về con chung, tài sản, công nợ, không có, không còn liên quan đến nhau, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và xác minh tại địa phương đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 48; 179; 195; 196; 203; 220 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70; 71; 72 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn K và chị Trần Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND. xã L vào năm 2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về con chung, tài sản, công nợ: Chị H và anh K chưa có con chung, tài sản, công nợ không còn liên quan đến nhau, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX. buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Đỗ Văn K vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người làm chứng bà Hà Thị B có lời khai trực tiếp với Tòa án, do vậy, HĐXX. căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 229 Bộ Luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh K, bà B.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn K cùng tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND. xã L, huyện M vào năm 2009, do vậy theo Điều 8;9 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Hai anh chị chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K có quan hệ xã hội không trong sáng, cùng với việc vợ chồng kết hôn đã lâu mà chưa có con, nên chị H sinh ra chán nản, anh K không động viên, chăm sóc chị H. Khi chị H về quê sinh sống anh K không cùng về mà vẫn ở lại Lâm Đồng, hai bên không quan tâm đến nhau, sống ly thân cho đến nay, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H và anh K cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, HĐXX. căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh K.

[3] *Về con chung:* Chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn K chưa có con nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức:* Chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn K đã tự phân chia với nhau xong, cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí không theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 229 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 8; 9 và 56 Luật hôn nhân gia đình. Điều 24; 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) ban hành kèm theo Nghị quyết.

2/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn K.

3/ Về con chung, tài sản, công nợ, công sức của hai vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ chị H nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 011861 ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

Các đương sự

Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;

Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ;

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ;

Ủy ban nhân dân xã Hoàn Long huyện Yên Mỹ;

Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Xuân Quỳnh